

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Xuân Lâm

2. Bà Sùng Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị S, năm sinh 1994

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ đề Tòa án liên hệ: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Sùng Seo H, năm sinh 1993

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Hồ S, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Sùng Seo H tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2011, đến ngày 25/12/2012 chị và anh H mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến gia đình, mỗi lần anh H đi chơi bắt chị đưa tiền, chị không đưa thì anh H chửi bới, có lúc còn đánh chị. Do mâu thuẫn nên ngày 12/02/2020 chị S đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn B, xã S, huyện S ở. Từ đó đến nay, chị và anh H sống ly thân, không còn

quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Seo H để đảm bảo cho cuộc sống riêng của hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị Giàng Thị S và anh Sùng Seo H có bốn người con chung là cháu Sùng Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2012; cháu Sùng Thị B, sinh ngày 01/10/2013; cháu Sùng Thị H, sinh ngày 21/10/2016; cháu Sùng Hảo N, sinh ngày 13/3/2018. Hiện nay cháu T, cháu H và cháu N đang ở cùng anh H, còn cháu B đang ở cùng chị S, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, các cháu không được ai tặng cho, thừa kế tài sản gì. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T và cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị S và anh H đều làm ruộng, nương và chăn nuôi gà, lợn, có thời gian thì đi làm thuê thêm, thu nhập một tháng khoảng 4.000.000 đồng, đủ điều để nuôi dưỡng con.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xác nhận về hộ khẩu của chị S, anh H; Giấy khai sinh của cháu T, cháu B, cháu H, cháu N; Giấy chứng minh nhân dân của chị S; Đơn xác nhận mức thu nhập của chị S, anh H.

2. Đối với anh Sùng Seo H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện S đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Sau đó anh H vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh H và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa không có lý do, khi Tòa án gửi Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để anh H tham gia phiên tòa, thì anh H có ý kiến xin thêm thời gian từ giờ đến cuối năm để vợ chồng anh làm lành, nếu ý kiến trên không được và chị S nhất định phải ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả bốn cháu, anh yêu cầu chị S mỗi tháng phải chu cấp nuôi con cho mỗi cháu là 600.000 đồng, tổng cộng là 2.400.000 đồng/ 1 tháng cho bốn cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Sùng Seo H.

- Về con chung: Giao cháu Sùng Thị B, sinh ngày 01/10/2013 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày 21/10/2016 cho chị Giàng Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Sùng Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2012 và cháu Sùng Hảo N, sinh ngày 13/3/2018 cho anh Sùng Seo H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã giao và niêm yết các văn bản tố tụng dân sự cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Sùng Seo H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị S và anh Sùng Seo H là hợp pháp. Sau khi về chung sống do anh chị không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, hiện chị S và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xác minh tại địa phương nơi chị S và anh H cư trú và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì: Quá trình chung sống, do không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ nhau, không quan tâm và tôn trọng nhau nên anh H và chị S đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân

và không còn quan tâm đến nhau. Chị S xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị và anh H không thể hòa hợp để có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng, còn anh H có ý kiến xin thêm thời gian để vợ chồng làm lành với nhau nhưng trong thời gian Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án anh và chị S vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Giàng Thị S và anh Sùng Seo H có bốn người con chung là cháu Sùng Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2012; cháu Sùng Thị B, sinh ngày 01/10/2013; cháu Sùng Thị H, sinh ngày 21/10/2016; cháu Sùng Hảo N, sinh ngày 13/3/2018. Hiện nay cháu T, cháu H và cháu N đang ở cùng anh H, còn cháu B đang ở cùng chị S, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu H; giải quyết cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H đề nghị giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn cháu và yêu cầu chị Súng phải cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu, tổng cộng là 2.400.000 đồng/1 tháng cho bốn cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xác minh tại địa phương nơi chị S và anh H cư trú thì hiện chị S và anh H đều làm ruộng, làm nương, chăn nuôi và đi làm thuê, thu nhập cùng loại như vậy ở địa phương khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị S và anh H đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung, hiện anh chị lại có bốn con chung nên việc giao con chung cho chị S và anh H cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu của chị S cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu, tổng cộng là 2.400.000 đồng/1 tháng cho bốn cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do chị S và anh H đều phải có trách nhiệm như nhau trong việc nuôi dưỡng con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị S và anh H.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị S phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị S và anh Sùng Seo H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Sùng Thị B, sinh ngày 01/10/2013; cháu Sùng Thị H, sinh ngày 21/10/2016 cho chị Giàng Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B, cháu H đủ 18 tuổi. Giao cháu Sùng Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2012, cháu Sùng Hảo N, sinh ngày 13/3/2018 cho anh Sùng Seo H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T, cháu N đủ 18 tuổi. Chị S và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003813 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai ;
- UBND xã T, huyện S;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương